

## PHỤ LỤC 01: GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HĐTV ngày tháng năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy chế cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Kính gửi: Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chúng tôi là: (Tên Doanh nghiệp đăng ký vay vốn)

Chúng tôi gửi tới Quý các thông tin liên quan về đề nghị được vay vốn với lãi suất ưu đãi.

#### 1. Thông tin về đơn vị đăng ký tham gia vay vốn

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Loại hình doanh nghiệp (DN tư nhân/Công ty TNHH/...):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm (đối với DNNVV mới thành lập, thông tin về số lao động hợp đồng do DNNVV tự khai):

Tổng nguồn vốn năm trước liền kề:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

Vốn điều lệ:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Chức vụ:

- CMND số:    nơi cấp:    ngày cấp:

- Quyết định bổ nhiệm số:    ngày:

- Hoặc giấy ủy quyền số:    ngày:

- Điện thoại liên hệ:.....Email:.....

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên:

- Họ và tên:    Năm sinh:

- Trình độ chuyên môn:    Năm tốt nghiệp:

- Thời gian công tác và kinh nghiệm quản lý:

- Họ và tên: Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn: Năm tốt nghiệp:
- Thời gian công tác và kinh nghiệm quản lý:

Kế toán trưởng/Phụ trách tài chính:

- Họ và tên: Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn: Năm tốt nghiệp:
- Thời gian công tác và kinh nghiệm quản lý:
- Điện thoại liên hệ:.....Email:.....

## 2. Thông tin dự án/phương án sản xuất kinh doanh

- Tên dự án/phương án sản xuất kinh doanh:
- Tổng vốn đầu tư:
- Vốn chủ sở hữu tham gia:
- Vốn vay:
- Số tiền đề nghị vay từ Quỹ:

(Bằng chữ:.....)

- Mục đích sử dụng tiền vay (*ghi rõ vay vốn để làm gì, sản xuất ra sản phẩm gì, thanh toán hạng mục gì*):
- Thời hạn vay:
- Thời gian ân hạn đối với khoản vay trung, dài hạn (gốc/lãi):

## 3. Chúng tôi cam kết:

- Sử dụng vốn vay ưu đãi đúng mục đích và có hiệu quả.
- Trả nợ (gốc và lãi) đầy đủ, đúng hạn.
- Chấp nhận và tuyệt đối tuân thủ các quy định về cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Ngân hàng ....
- Hồ sơ vay vốn được xây dựng hoàn toàn dựa trên các thông tin, tài liệu hiện có của đơn vị.
- Phương án sử dụng vốn vay và phương án trả nợ phù hợp với dự án được duyệt, khả năng tài chính, quản lý và triển khai thực hiện dự án của chúng tôi.
- Cam kết đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu 20%.
- Chịu trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa khi có yêu cầu và chịu trách nhiệm về sự chính xác và trung thực của các tài liệu cung cấp.
- Cam kết khác:

Đề nghị Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét đề nghị của chúng tôi và thông báo cho chúng tôi biết quyết định của Quỹ./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

## **ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### **\* Ghi chú:**

#### **1. Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV**

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

#### **2. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của DNNVV**

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

#### **3. Xác định tổng nguồn vốn của DNNVV**

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hương nội dung hồ trợ.

#### **4. Xác định tổng doanh thu của DNNVV**

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**PHỤ LỤC 02: VĂN BẢN, GIẤY TỜ CHỨNG MINH DNNVV  
THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ CỦA QUỸ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTV ngày tháng năm 2019  
của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy chế cho  
vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)*

Các văn bản, giấy tờ chứng minh doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ như sau:

**1. Văn bản, giấy tờ xác định doanh nghiệp là DNNVV:**

a) Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất đối với doanh nghiệp hoạt động từ 02 năm trở lên. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 02 năm là báo cáo tài chính 01 năm. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm là báo cáo tài chính quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký vay vốn;

b) Chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội; đối với doanh nghiệp mới thành lập, thông tin tự khai về số lao động hợp đồng.

**2. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo**

DNNVV phải nộp một trong các văn bản, giấy tờ sau:

a) Văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế, hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, hoặc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý do Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, hoặc;

- Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với chương trình máy tính do Cục bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, hoặc;

- Bằng bảo hộ giống cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

b) Hợp đồng chuyển nhượng, hoặc Hợp đồng sử dụng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản trí tuệ (Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, hoặc Hợp đồng sử dụng quyền tác giả, hoặc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, hoặc Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, hoặc Hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng, hoặc Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng, v.v...) và văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản trí tuệ.

c) Đối với DNNVV có công nghệ mới: Văn bản do cơ quan có thẩm quyền công nhận, đăng ký, lưu hành cho tổ chức, cá nhân có công nghệ mới hoặc văn bản xác nhận khác về công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với DNNVV nhận chuyển giao công nghệ: Hợp đồng chuyển giao công nghệ với tổ chức, cá nhân có công nghệ mới đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, hoặc chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký với cơ quan quản lý là Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Đối với DNNVV có mô hình kinh doanh mới: Bản thuyết minh về công nghệ và mô hình kinh doanh, nêu rõ về tính hiệu quả, khả thi, cạnh tranh và văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận, đăng ký hoặc cho phép triển khai mô hình kinh doanh mới.

e) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

### **3. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV tham gia cụm liên kết ngành**

DNNVV phải nộp một trong các văn bản, giấy tờ sau:

a) Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành và văn bản về thỏa thuận chung giữa các bên tham gia cụm liên kết ngành;

b) Đối với DNNVV cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu vùng:

- Đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam hoặc Đăng ký quốc tế nhãn hiệu nguồn gốc Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp;

- Văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp được sử dụng: Nhãn hiệu đăng ký quốc gia hoặc Chỉ dẫn địa lý;

c) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

### **4. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV tham gia chuỗi giá trị**

a) Hồ sơ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy chế này, được triển khai để trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm;

b) Đối với DNNVV tham gia một trong các khâu sản xuất của chuỗi giá trị (khai thác và cung cấp nguyên liệu đầu vào; sản xuất, chế biến sản phẩm; tiêu thụ và phân phối sản phẩm): Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị;

c) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

**PHỤ LỤC 03: GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HDTV ngày tháng năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy chế cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)*

**NGÂN HÀNG... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*(Ngân hàng nhận vốn từ Quỹ)* **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Số:...../  
....., ngày....., tháng....., năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP**

Kính gửi: Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Tên Ngân hàng:.....
2. Địa điểm trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Số tài khoản:.....
5. Người đại diện:.....Chức vụ:.....
6. Căn cứ:
  - Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày .... tháng .... năm.....,
  - Hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của ngân hàng....
7. Ngân hàng ... đề nghị Quỹ xem xét, chấp thuận chuyển vốn cho ngân hàng... để cho vay DNNVV như sau:
  - a) Thông tin về DNNVV:
    - Tên doanh nghiệp:
    - Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:....., ngày cấp lần đầu:...../...../.....
    - Lĩnh vực hoạt động của DNNVV:
    - Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm(đối với DNNVV mới thành lập, thông tin về số lao động hợp đồng do DNNVV tự khai):
    - Tổng nguồn vốn năm trước liền kề:

- Tổng doanh thu năm trước liên kê:

- Vốn điều lệ:

- Thông tin lịch sử tín dụng của DNNVV:

b) Thông tin dự án/phương án sản xuất kinh doanh

- Tên dự án/phương án sản xuất kinh doanh:

- Kế hoạch kinh doanh và bảng tính hiệu quả kinh tế của dự án; chi phí đầu tư; các hạng mục đầu tư; nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ xây dựng, mua sắm; dự kiến kế hoạch nhận vốn và trả nợ; giấy phép đầu tư theo quy định (nếu có); giấy phép xây dựng theo quy định (nếu có); báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định (nếu có).

- Tổng vốn đầu tư:

+ Vốn chủ sở hữu tham gia:

+ Vốn vay:

- Số tiền đề nghị vay vốn từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ:

(Bằng chữ:.....)

- Số tiền đề nghị vay vốn từ nguồn vốn của ngân hàng:

(Bằng chữ:.....)

- Mục đích sử dụng tiền vay (*Ghi rõ vay vốn để làm gì, sản xuất ra sản phẩm gì, thanh toán hạng mục gì*):

- Thời hạn vay:

- Thời gian ân hạn đối với khoản vay trung, dài hạn (gốc/lãi):

- Biện pháp bảo đảm tiền vay:

- Đánh giá tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh của DNNVV:

- Phương án giải ngân (một lần hay từng lần theo tiến độ) và kế hoạch trả nợ của DNNVV.

c) Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ:

- Lãi suất cho vay từ nguồn vốn của ngân hàng:

d) Mức phí cho vay gián tiếp là:.....

(*Căn cứ vào Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày .... tháng .... năm....*)

8. Các cam kết:



- Mọi thông tin mà ngân hàng ... cung cấp về khoản vay cho DNNVV nêu trên là đầy đủ, trung thực, ngân hàng ... chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin tài liệu do ngân hàng ... ban hành.

- Chấp hành đầy đủ các quy định về cho vay gián tiếp theo quy định của pháp luật và các quy định của Quỹ Phát triển DNNVV.

- Ngân hàng ... cam kết thực hiện các điều khoản quy định tại Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày .... tháng .... năm....

*Nơi nhận:*

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**\* Ghi chú:**

**1. Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV**

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

**2. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của DNNVV**

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

**3. Xác định tổng nguồn vốn của DNNVV**

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

**4. Xác định tổng doanh thu của DNNVV**

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**PHỤ LỤC 04: BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN  
NGÂN HÀNG NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HĐTV ngày tháng năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)*

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
<p>A. Lành mạnh tài chính (tối đa 30 điểm)</p>	<p><b>1. Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mức tăng tổng tài sản so với năm trước (tối đa 4 điểm):</b> 4 nếu Mức tăng tổng tài sản &gt; 15%; 2 nếu 12% &lt; Mức tăng tổng tài sản ≤ 15%; 0 nếu mức tăng trưởng ≤ 12%.</li> <li>- <b>Mức tăng Vốn chủ sở hữu (tối đa 2 điểm):</b> 2 nếu Vốn chủ sở hữu tăng; 0 nếu Vốn chủ sở hữu không tăng.</li> </ul> <p><b>2. Chất lượng hoạt động tín dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tăng trưởng tín dụng so với năm trước (tối đa 4 điểm):</b> 4 nếu Tăng trưởng tín dụng &gt; 17%; 2 nếu 14% &lt; Tăng trưởng tín dụng ≤ 17%; 0 nếu Tăng trưởng tín dụng ≤ 14%.</li> <li>- <b>Tỉ lệ nợ xấu (tối đa 4 điểm):</b> 4 nếu NPL ≤ 1%; 3 nếu 1% &lt; NPL ≤ 2%; 2 nếu 2% &lt; NPL ≤ 2,5%; 1 nếu 2,5% &lt; NPL ≤ 3%; 0 nếu NPL &gt; 3%.</li> </ul> <p><b>3. Khả năng sinh lời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>ROE (tối đa 4 điểm):</b> 4 nếu ROE &gt; 20%;</li> </ul>

	<p>2 nếu <math>10\% \leq ROE \leq 20\%</math>;  1 nếu <math>5\% \leq ROE &lt; 10\%</math>;  0 nếu <math>ROE &lt; 5\%</math>.</p> <p><b>4. Khả năng thanh khoản</b></p> <p>- <b>Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (tối đa 4 điểm):</b></p> <p>4 nếu <math>CAR &gt; 13\%</math>;  3 nếu <math>11\% \leq CAR \leq 13\%</math>;  2 nếu <math>9\% \leq CAR &lt; 11\%</math>;  0 nếu <math>CAR &lt; 9\%</math>.</p> <p>- <b>Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn (tối đa 4 điểm):</b></p> <p>4 nếu Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn <math>\leq 20\%</math>;  2 nếu <math>20\% &lt; \text{Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn} \leq 30\%</math>;  0 nếu Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn <math>&gt; 30\%</math>.</p> <p>- <b>Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (tối đa 4 điểm):</b></p> <p>4 nếu Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay <math>&gt; 20\%</math>;  2 nếu <math>17\% \leq \text{Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay} \leq 20\%</math>;  0 nếu Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay <math>&lt; 17\%</math>.</p>
<p>B. Năng lực /  Kinh nghiệm  nội tại của  Ngân hàng  (tối đa 35  điểm)</p>	<p><b>1. Mức độ tập trung của NH lên khối DNNVV</b></p> <p>- <b>Tỷ lệ dư nợ tín dụng cho vay DNNVV trên tổng dư nợ (tối đa 10 điểm):</b></p> <p>10 nếu <math>n &gt; 45\%</math>; 7 nếu <math>35\% \leq n \leq 45\%</math>;  4 nếu <math>25\% \leq n &lt; 35\%</math>; 1 nếu <math>15\% \leq n &lt; 25\%</math>;  (-2) nếu <math>5\% \leq n &lt; 15\%</math>; (-5) nếu <math>n &lt; 5\%</math>.</p> <p>- <b>Tỷ lệ tăng trưởng các khoản cho vay DNNVV (tối đa 5 điểm):</b></p> <p>5 nếu <math>n &gt; 70\%</math>; 4 nếu <math>40\% \leq n \leq 70\%</math>;  3 nếu <math>20\% \leq n &lt; 40\%</math>; 1 nếu <math>0\% \leq n &lt; 20\%</math>;  (-1) nếu <math>-20\% \leq n &lt; 0\%</math>; (-3) nếu <math>n &lt; -20\%</math>;</p>

	<p><b>2. Hệ thống đánh giá DNNVV</b></p> <p>- NH có hệ thống đánh giá DNNVV hay không? (tối đa 10 điểm): 10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> <p><b>3. Các năng lực khác</b></p> <p>- NH đã tham gia bao nhiêu chương trình hỗ trợ DNNVV của Trung ương cũng như địa phương trong 3 năm gần nhất? (tối đa 5 điểm): 5 nếu <math>n &gt; 5</math>; 0 nếu <math>n \leq 5</math>.</p> <p>- Hệ thống mạng lưới tiếp cận DNNVV (tối đa 5 điểm): 5 nếu Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>&gt; 50</math> tỉnh thành; 4 nếu <math>40 \leq</math> Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>\leq 50</math> tỉnh thành; 3 nếu <math>30 \leq</math> Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>\leq 40</math> tỉnh thành; 2 nếu <math>20 \leq</math> Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>\leq 30</math> tỉnh thành; 1 nếu <math>10 \leq</math> Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>\leq 20</math> tỉnh thành; 0 nếu Hệ thống mạng lưới hoạt động <math>&lt; 10</math>.</p>
<p>C. Mức độ cam kết của NH đối với các hoạt động hỗ trợ DNNVV của Quỹ (tối đa 25 điểm)</p>	<p><b>1. Ngân hàng có thực hiện các yêu cầu của Quỹ trong việc tạo điều kiện về quy trình, thủ tục, quá trình giải ngân để hỗ trợ DNNVV và sẵn sàng cung cấp thông tin về DNNVV cho Quỹ không? (tối đa 2,5 điểm):</b> 2,5 nếu “Có”; (-2,5) nếu “Không”.</p> <p><b>2. Tỷ lệ nợ quá hạn của các khoản cho vay từ nguồn vốn của Quỹ (được tính bằng số dư nợ quá hạn từ nguồn vốn của Quỹ/ tổng dư nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn của Quỹ) (tối đa 05 điểm):</b> 5 nếu Tỷ lệ nợ quá hạn = 0%; 3 nếu <math>0\% &lt; \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} \leq 3\%</math>; 0 nếu <math>3\% &lt; \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} \leq 5\%</math>; (-5) nếu Tỷ lệ nợ quá hạn <math>&gt; 5\%</math>.</p> <p><b>3. Mức độ tuân thủ Hợp đồng cho vay gián tiếp (tối đa 05 điểm):</b> 5 nếu Số lần vi phạm = 0:</p>

	<p>0 nếu Số lần vi phạm = 1;  (-1) nếu <math>1 &lt; \text{Số lần vi phạm} \leq 3</math> lần;  (-3) nếu <math>3 &lt; \text{Số lần vi phạm} \leq 5</math> lần;  (-5) nếu Số lần vi phạm <math>&gt; 5</math> lần.</p> <p><b>4. Ngân hàng có cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV thông qua các khoản vay hợp vốn với lãi suất ưu đãi không? (bằng với lãi suất của các khoản vay từ nguồn vốn của Quỹ (tối đa 05 điểm):</b>  5 nếu “Có”; (-5) nếu “Không”.</p> <p><b>5. Ngân hàng có tham gia với Quỹ trong việc hỗ trợ DNNVV như tư vấn quản lý và tài chính, tư vấn thuế, tư vấn pháp lý, tư vấn hoạt động cho DNNVV; ... (tối đa 2,5 điểm):</b>  2,5 nếu “Có”; (-2,5) nếu “Không”.</p> <p><b>6. Tổng doanh số cho vay gián tiếp theo Hợp đồng cho vay gián tiếp (CVGT) giữa Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác trong năm (tối đa 05 điểm):</b>  5 nếu Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm <math>&gt; 20\%</math> tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm;  3 nếu <math>10\% &lt; \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 20\%</math> tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm;  1 nếu <math>5\% &lt; \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 10\%</math> tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm;  0 nếu <math>0\% &lt; \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 5\%</math> tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm;  (-5) nếu không phát sinh hợp đồng CVGT nào trong năm.</p>
<p>D. Quản lý và quản trị điều hành (tối đa 10 điểm)</p>	<p><b>1. Hiệu quả quản lý:</b></p> <p>- <b>Tổng chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động (tối đa 5 điểm):</b> 5 nếu <math>n &lt; 45\%</math>; 3 nếu <math>45\% \leq n \leq 55\%</math>; 0 nếu <math>n &gt; 55\%</math>.</p> <p>- <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ / Tổng chi phí hoạt động (tối đa 5 điểm):</b>  5 nếu <math>n &gt; 30\%</math>; 3 nếu <math>25\% &lt; n \leq 30\%</math>;  1 nếu <math>20\% \leq n \leq 25\%</math>; 0 nếu <math>n &lt; 20\%</math>.</p>

Số: 08 /QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc ban hành lãi suất cho vay  
của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**  
**QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐTV ngày 06/9/2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 02./NQ-HĐTV ngày 28./11/2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc thông qua mức lãi suất cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa,

**QUYẾT ĐỊNH:**

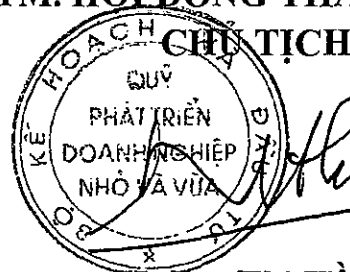
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này mức lãi suất cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

1. Lãi suất cho vay ngắn hạn: 4,16%/năm.
2. Lãi suất cho vay trung hạn: 6,0%/năm.
3. Lãi suất cho vay dài hạn: 6,0%/năm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và bộ máy giúp việc Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu: VP, KHTT.

**Hoàng Thị Hồng**